

Số: *16* /2019/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *05* tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc thu thập, sử dụng, chia

sẽ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2011/TT-BTTTT ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 20/TTr-STTTT ngày 10/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2019 và thay thế Quyết định số 144/2008/QĐ-UBND ngày 15/01/2008 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy chế quản lý, cung cấp thông tin trên Cổng giao tiếp điện tử tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tư Pháp, TT&TT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TT&TT);
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

QUY CHẾ

Hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2019/QĐ-UBND ngày 05 /11/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ (Cổng TTĐT tỉnh) bao gồm: Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến; cơ chế phối hợp; các điều kiện đảm bảo cho Cổng TTĐT tỉnh hoạt động hiệu quả.

2. Quy chế này áp dụng cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành, thị (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); các tổ chức, cá nhân khác tham gia cung cấp, sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Môi trường mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua cơ sở hạ tầng thông tin.

2. Cổng TTĐT là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

3. Trang TTĐT là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

4. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý. Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân.

5. Dịch vụ công trực tuyến là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

6. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được tổ chức và sắp xếp chặt chẽ để cập nhật, lưu trữ, quản lý, khai thác thông qua các phương tiện điện tử.

7. Phần mềm ứng dụng là phần mềm được phát triển và cài đặt trên một môi trường nhất định, nhằm thực hiện những công việc, những tác nghiệp cụ thể.

8. Thông tin cá nhân là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất một trong những thông tin sau đây: Họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu.

9. Nhuận bút là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm đăng trên Cổng TTĐT tỉnh.

10. Thù lao là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho thành viên Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh; Tổ giúp việc cho Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác biên tập tác phẩm, cung cấp tài liệu để đăng trên Cổng TTĐT tỉnh.

11. Một trang A4 khoảng 500 từ. Một tác phẩm có khoảng 250 từ thì được tính là $\frac{1}{2}$ (nửa) trang A4. Một tác phẩm có khoảng 500 từ thì được tính là 1(một) trang A4.

Điều 3. Thông tin mô tả về Cổng TTĐT tỉnh

1. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Phú Thọ.
2. Cơ quan được giao quản lý, vận hành: Sở Thông tin và Truyền thông.
3. Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đăng trên Cổng TTĐT tỉnh.
4. Tên miền truy cập trên mạng Internet: <http://phutho.gov.vn>
5. Ngôn ngữ thể hiện: Tiếng Việt và tiếng Anh.
6. Các trang thành phần: Cổng/trang TTĐT của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

Điều 4. Vai trò của Cổng TTĐT tỉnh

1. Cổng TTĐT tỉnh cung cấp thông tin chính thống của UBND tỉnh Phú Thọ trên môi trường mạng.
2. Cổng TTĐT tỉnh thực hiện tích hợp thông tin các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, thông tin dịch vụ công trực tuyến của tất cả cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, các cơ sở dữ liệu.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh

1. Cổng TTĐT tỉnh được bảo đảm hoạt động 24/24 giờ tất cả các ngày để kết nối thông tin giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, công dân trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật.
2. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh thực hiện theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang TTĐT hoặc cổng TTĐT của cơ quan nhà nước và các quy định khác của pháp luật.
3. Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên Cổng TTĐT tỉnh tuân thủ theo quy định tại Điều 21, 22 của Luật Công nghệ thông tin và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân khi cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh phải chịu trách nhiệm về tính xác thực và các quy định của pháp luật về thông tin, dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp đồng thời chịu sự kiểm duyệt của Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

5. Cổng TTĐT tỉnh đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện; đáp ứng các tiêu chuẩn hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; đảm bảo an toàn hệ thống; tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước theo các quy định pháp luật hiện hành.

6. Sử dụng Bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn 6909:2011 để lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu trên Cổng TTĐT tỉnh.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỈNH

Điều 6. Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT tỉnh

1. Thông tin giới thiệu: Thông tin về tổ chức bộ máy hành chính, bản đồ địa giới hành chính đến cấp phường, xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo tỉnh.

2. Tin tức, sự kiện: Các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Thông tin chỉ đạo, điều hành bao gồm: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh đã được thống nhất và chính thức ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; lịch làm việc của lãnh đạo tỉnh.

4. Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách: Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

5. Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển:

- a) Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư;
- b) Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- c) Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- d) Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải; danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại tới sức khỏe con người và môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

6. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan: Nêu rõ hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số

ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về. Cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

7. Đăng tải Công báo điện tử tỉnh bao gồm những thông tin: Số công báo, ngày ban hành, danh mục văn bản đăng trong công báo và trích yếu nội dung đối với mỗi văn bản.

8. Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công:

a) Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất;

b) Mỗi dự án cần có các thông tin gồm: Tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.

9. Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến;

c) Cung cấp các thông tin và chức năng; toàn văn nội dung văn đề cần xin ý kiến; thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới; địa chỉ, thư điện tử của cơ quan, đơn vị tiếp nhận ý kiến góp ý.

10. Thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm: Họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại/fax, địa chỉ thư điện tử công vụ.

11. Thông tin giao dịch của Cổng TTĐT tỉnh bao gồm: Địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan dùng để giao dịch với tổ chức, cá nhân.

12. Thông tin về chương trình, đề tài khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý:

a) Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: Mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện;

b) Kết quả các chương trình, đề tài sau khi đã được Hội đồng nghiệm thu khoa học thông qua bao gồm: Báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai áp dụng của công trình, đề tài. Việc công bố kết quả phải tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

13. Thông tin, báo cáo thống kê từ kết quả các cuộc điều tra theo quy định của Luật Thống kê bao gồm: Đầy đủ số liệu, báo cáo thống kê, phương pháp thống kê và bản phân tích số liệu thống kê, thời gian thực hiện thống kê.

14. Thông tin tiếng nước ngoài: Các thông tin được cung cấp bằng tiếng Anh trên Cổng TTĐT tỉnh tối thiểu phải có các thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 11 Điều này và các thông tin dịch vụ công trực tuyến mà người nước ngoài có thể sử dụng.

15. Các thông tin khác phải đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Cổng TTĐT tỉnh liên kết, tích hợp với cổng/trang TTĐT của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện để bảo đảm tổ chức và cá nhân có thể tìm kiếm và khai thác thông tin trên địa bàn tỉnh một cách thuận tiện.

Điều 7. Thời gian, tần suất cập nhật thông tin, dữ liệu

1. Đảm bảo cập nhật thường xuyên, chính xác đối với các mục tin quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 10, Khoản 11 Điều 6 của Quy chế này.

2. Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách: Thời gian cập nhật không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi văn bản pháp luật, chính sách, chế độ chính thức được ban hành.

3. Đối với văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính nhà nước có liên quan: Thời gian cập nhật không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi văn bản được ban hành đối với các văn bản của UBND tỉnh; không quá 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành với các văn bản của Trung ương.

4. Những thông tin quy định tại Khoản 5, Khoản 8, Khoản 13 Điều 6 của Quy chế này: Thời gian cập nhật không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi chiến lược, quy hoạch hoặc dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu... được phê duyệt; thông tin thông kê được thủ trưởng cơ quan quyết định công bố.

5. Đối với thông tin được quy định tại Khoản 9 Điều 6 của Quy chế này cập nhật ngay khi nhận được thông tin.

6. Đối với thông tin về chương trình, đề tài khoa học: Thời gian cập nhật không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi chương trình, đề tài được phê duyệt hoặc sau khi chương trình, đề tài được nghiệm thu.

7. Đối với thông tin tiếng nước ngoài quy định tại Khoản 14 Điều 6 của Quy chế này: Phải được thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời khi có phát sinh hoặc thay đổi.

8. Các thông tin khác phải đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh theo quy định của pháp luật được cập nhật theo quy định.

Điều 8. Phương thức cung cấp thông tin

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi thông tin cho Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh theo các hình thức sau:

a) Gửi văn bản điện tử có ký số;

b) Gửi văn bản giấy theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;

c) Gửi thư điện tử về địa chỉ: banbientap@phutho.gov.vn hoặc qua chuyên mục “Liên hệ Ban Biên tập” trên Cổng TTĐT tỉnh.

2. Việc tiếp nhận thông tin gửi đến Cổng TTĐT tỉnh được thực hiện 24/24 giờ tất cả các ngày.

3. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính nhà nước của tỉnh Phú Thọ được công khai theo quy định thì tại mục “Nơi nhận” có Cổng TTĐT tỉnh.

Điều 9. Tiếp nhận câu hỏi trên Cổng TTĐT tỉnh

1. Cổng TTĐT tỉnh chỉ tiếp nhận các câu hỏi có nội dung về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, tìm hiểu cơ hội đầu tư và các thông tin khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.

2. Việc hỏi của các tổ chức, cá nhân và việc trả lời của các cơ quan, đơn vị theo Quy chế này không bị điều chỉnh bởi Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

3. Câu hỏi gửi đến Cổng TTĐT tỉnh chỉ được coi là hợp lệ nếu có đầy đủ các thông tin sau: Họ và tên, địa chỉ liên hệ (đối với cá nhân); tên đầy đủ, địa chỉ liên hệ (đối với tổ chức).

Điều 10. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh

Cổng TTĐT tỉnh có mục “Dịch vụ công trực tuyến” thông báo danh mục các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang thực hiện và nêu rõ mức độ của dịch vụ; đồng thời liên kết với Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ).

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trong việc phối hợp cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh

1. Căn cứ vào phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này; đảm bảo về thời gian theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Cung cấp thông tin về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị để đăng trên Cổng TTĐT tỉnh. Khi có sự thay đổi thông tin về dịch vụ công trực tuyến, các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh để điều chỉnh kịp thời trên Cổng TTĐT tỉnh.

3. Phối hợp với Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh tổ chức chương trình đối thoại với công dân trên Cổng TTĐT tỉnh liên quan đến thực hiện các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề đang được dư luận quan tâm thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

4. Phối hợp trả lời câu hỏi của tổ chức, cá nhân gửi đến Cổng TTĐT tỉnh:

a) Tùy theo tính chất thông tin hỏi, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời trên Cổng TTĐT tỉnh hoặc trả lời trực tiếp các tổ chức, cá nhân. Trường hợp cơ quan, đơn vị trả lời trực tiếp tổ chức, cá nhân thì đồng thời gửi văn bản trả lời cho Cổng TTĐT tỉnh. Trường hợp câu hỏi không liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thì phải thông báo kịp thời cho Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh. Nội dung câu trả lời có viện dẫn văn bản thì cần ghi chính xác số, ký hiệu, trích yếu văn bản; ngày, tháng, năm và tên cơ quan ban hành văn bản;

b) Thời gian trả lời câu hỏi như sau: Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận câu hỏi, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời kết quả hoặc thông báo quá trình xử lý trong đó nói rõ thời hạn trả lời tới tổ chức, cá nhân. Đối với những vấn đề có liên quan chung thì phải đăng câu trả lời lên Cổng TTĐT tỉnh.

Chương III

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỈNH

Điều 12. Về nhân lực

1. Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập gồm 09 người, trong đó có 01 Trưởng Ban, 01 Phó Trưởng Ban và 07 thành viên. Trưởng ban là Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông. Phó Trưởng Ban là Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông. Các thành viên là: Đại diện lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Lãnh đạo Công an tỉnh và một số cán bộ của Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực của Ban Biên tập.

Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có nhiệm vụ chỉ đạo, định hướng, tổ chức thu thập, biên tập, cập nhật, liên kết, quản lý thông tin và dịch vụ công trực tuyến; tích hợp các cơ sở dữ liệu; tiếp nhận câu hỏi của các tổ chức, cá nhân gửi các cơ quan, đơn vị liên quan trả lời; tổ chức chương trình đối thoại giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân trên Cổng TTĐT tỉnh.

2. Tổ giúp việc cho Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh do Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập có nhiệm vụ sau:

a) Trực tiếp tổ chức quản trị, vận hành, thu thập, tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật, tích hợp nội dung thông tin, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng trên Cổng TTĐT tỉnh;

b) Thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật để Cổng TTĐT tỉnh hoạt động thông suốt, đảm bảo an ninh, an toàn; sao lưu các thông tin, dữ liệu điện tử của Cổng TTĐT tỉnh; đề xuất phương án bảo đảm mỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh;

c) Thành viên Tổ giúp việc được tham dự để đưa tin về các sự kiện của tỉnh, các hoạt động của lãnh đạo tỉnh, hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 13. Kinh phí phục vụ hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh

1. Nguồn kinh phí duy trì hoạt động và phát triển Cổng TTĐT tỉnh:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ;

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi trả thù lao cho Ban biên tập và Tổ giúp việc cho Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh; chi trả thù lao, nhuận bút cho các tập thể, cá nhân có tác phẩm hoặc tham gia đóng góp vào quá trình sáng tạo tác phẩm đăng trên Cổng TTĐT tỉnh;

b) Chi cho đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thuê đường truyền kết nối Internet;

c) Mở rộng, nâng cấp phần mềm, các ứng dụng để phát triển Cổng TTĐT tỉnh;

d) Quản lý, điều hành, vận hành Cổng TTĐT tỉnh;

đ) Đảm bảo an toàn an ninh thông tin của Cổng TTĐT tỉnh;

e) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh.

3. Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự toán kinh phí cho Cổng TTĐT tỉnh tổng hợp chung trong dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn của Sở trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Chi trả nhuận bút, thù lao

1. Chi trả nhuận bút:

a) Nhuận bút được tính như sau:

Nhuận bút = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút.

Trong đó:

Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tác phẩm x Hệ số giá trị tác phẩm.

Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi chung là mức tiền lương cơ sở).

b) Hệ số nhuận bút được xác định theo độ dài tác phẩm và hệ số giá trị tác phẩm nhưng không vượt quá khung hệ số nhuận bút trong bảng dưới đây.

STT	Thể loại tác phẩm	Đơn vị độ dài tác phẩm	Hệ số giá trị tác phẩm	Khung Hệ số nhuận bút
1	Tin	½ trang A4	2	Tối đa 10
2	Bài phản ánh	01 trang A4	5	Tối đa 20
3	Chính luận	01 trang A4	8	Tối đa 30
4	Phóng sự; Ký sự; Bài phỏng vấn; Nghiên cứu	01 trang A4	8	Tối đa 30
5	Văn học	01 trang A4	6	Tối đa 30
6	Ảnh	01 ảnh	4	Tối đa 10
7	Video	01 phút	5	Tối đa 30
8	Logo, banner, đồ họa	01 tác phẩm	3	Tối đa 10
9	Audio	01 phút	2	Tối đa 10
10	Chương trình đối thoại, tọa đàm	01 phút	10	Tối đa 50

2. Chi trả thù lao

a) Thù lao được tính như sau:

Thù lao = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút

Trong đó:

Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tác phẩm x Hệ số giá trị tác phẩm.

Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương cơ sở.

b) Hệ số nhuận bút được xác định theo độ dài tác phẩm và hệ số giá trị tác phẩm nhưng không vượt quá hệ số giá trị tác phẩm dưới đây.

STT	Thể loại tác phẩm	Đơn vị độ dài tác phẩm	Hệ số giá trị tác phẩm
1	Tin tổng hợp	½ trang A4	1
2	Bài tổng hợp	01 trang A4	1,5
3	Trả lời bạn đọc	½ trang A4	1
4	Tranh, ảnh	01 Ảnh	3
5	Tin dịch xuôi	½ trang A4	1
6	Bài dịch xuôi	01 trang A4	1,5
7	Tin dịch ngược	½ trang A4	1,5
8	Bài dịch ngược	01 trang A4	2
9	Tin, bài sưu tầm	01 trang A4	0,5
10	Tài liệu	01 trang A4	0,5

3. Trường Ban Biên tập Công TTĐT tỉnh căn cứ vào thể loại, chất lượng tác phẩm quyết định mức hệ số giá trị tác phẩm nhưng không vượt quá hệ số giá trị tác phẩm được quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Trường Ban Biên tập Công TTĐT căn cứ tình hình thực tế quyết định mức chi thù lao cho Ban Biên tập, Tổ giúp việc theo quy định hiện hành.

Điều 15. Mức chi cho các nhiệm vụ khác

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định mức chi cho các nhiệm vụ được quy định tại Khoản b, c, d, e Điều 13 của Quy chế này theo quy định hiện hành.

Điều 16. Chế độ đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa Cổng TTĐT tỉnh

1. Cổng TTĐT tỉnh được đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Cổng TTĐT tỉnh được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, giám sát để bảo đảm hoạt động liên tục 24/24h giờ tất cả các ngày.

3. Hằng năm, Cổng TTĐT tỉnh được rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

4. Mọi thành viên tham gia vận hành Cổng TTĐT tỉnh phải có trách nhiệm bảo quản thông tin truy cập quản trị hệ thống (gồm tên đăng nhập và mật khẩu) chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập quản trị hệ thống đó.

Điều 17. Bảo đảm đường truyền, máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh

Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn phương án đầu tư xây dựng hạ tầng hoặc thuê dịch vụ từ nhà cung cấp bên ngoài để bảo đảm cho hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh theo nguyên tắc tiết kiệm chi phí và hiệu quả. Trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết phục vụ cho việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, xây dựng các phần mềm ứng dụng, tổ chức đối thoại trên Cổng TTĐT tỉnh.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

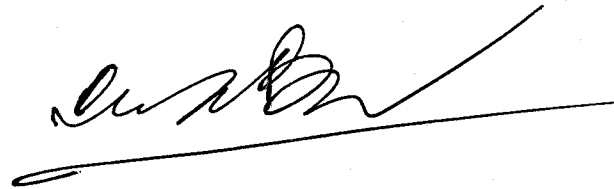
Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổng hợp các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong thực hiện Quy chế này đề nghị khen thưởng theo quy định.
2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo đúng Quy chế này.
2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện Quy chế này; thống kê, đánh giá kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên Cổng TTĐT tỉnh; định kỳ hằng năm tổ chức tổng kết hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang